

Số: 119 /KH-TrMN

Tân Châu, ngày 03 tháng 10 năm 2025

KẾ HOẠCH

**Thực hiện các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường, khoản tiền thỏa thuận thu, chi phục vụ công tác bán trú
Năm học 2025 - 2026**

A. CÁC CĂN CỨ

Căn cứ thông tư số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/03/2015 của Bộ GD&ĐT và Bộ nội vụ về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số người làm việc trong cơ sở giáo dục mầm non công lập;

Nghị Quyết 31/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An về việc quy định mức thu tối đa các khoản thu dịch vụ, phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục công lập; mức thu dịch vụ tuyển sinh các cấp trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Nghị Quyết 15/2022/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 31/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh;

Công văn số 2566/SGD&ĐT-TC&ĐTGD ngày 05/09/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An về việc hướng dẫn công tác quản lý thu, chi năm học 2025 - 2026 tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 2445/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh Nghệ An về việc Phê duyệt Đề án “Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030”; Căn cứ Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ mẫu giáo; Công văn số 2756/SGDĐT-GDNN-GDTX ngày 19/9/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An, về việc cho phép phối hợp tổ chức Chương trình tăng cường tiếng Anh từ năm học 2025-2026; Công văn số 70/VHXX-GD ngày 24/9/2025 của Phòng Văn hóa xã hội xã Tân Châu Vv cho phép phối hợp tổ chức Chương trình tăng cường tiếng Anh từ năm học 2025-2026

Căn cứ Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa;

Căn cứ công văn số 1530/SGD&ĐT –GDCN-GDTX ngày 05/08/2022 của Sở Giáo dục đào tạo nghệ An về việc hướng dẫn thực hiện Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo và Chương trình tăng cường tiếng Anh trong các cơ sở Giáo dục trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ vào kế hoạch, nhiệm vụ và tình hình thực tế của nhà trường năm học 2025-2026 và Biên bản họp phụ huynh ngày 21/9/2025;

Để đảm bảo về kinh phí hoạt động và phục vụ cho công tác tổ chức bán trú cho trẻ tại Trường mầm non năm học 2025-2026, Trường Mầm non Diễn Lộc xây dựng kế hoạch các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường, khoản thu thỏa thuận thu, chi phục vụ công tác tổ chức bán trú cụ thể như sau:

B. BÁO CÁO THỰC HIỆN THU – CHI NĂM HỌC 2024-2025.

I. Tiền ăn bán trú của trẻ:

- Mức thu, chi trong ngày: 20.000đồng/cháu/ngày.
- Đã quyết toán hàng tháng, cuối năm với phụ huynh.
- Tổng suất là 60.806; Tiền ăn bán trú thu 1.216.120.000 đồng, *(Một tỷ hai trăm mười sáu triệu một trăm hai mươi ngàn đồng)*. Đã nộp về ngân hàng BIDV để chi trả cho các nhà cung ứng thực phẩm.

II. Tiền chi phí phục vụ bán trú:

- Mức thu: 104.200đồng/cháu/tháng; 98.000 đồng/trẻ/năm

- Đã thu được: 401.378.400 đồng

Đã nộp về kho bạc để chi trả các khoản theo quy định.

+ Đã chi trả tiền công nhân viên nhà bếp: 326.160.000 đồng

+ Đã chi tiền mua đồ dùng phục vụ bán trú : 41.160.000 đồng

+ Đã chi trả tiền nước uống, nước nấu: 34.058.400 đồng

- Tổng Chi : 401.378.400 đồng

C. DỰ KIẾN MỨC THU-CHI NĂM HỌC 2025-2026.

I. Tiền ăn bán trú của trẻ: (20.000 đồng/trẻ/ngày)

- Mức thu, chi trong ngày: 20.000đồng/cháu/ngày. Theo phần mềm Viettel

- Quyết toán hàng ngày theo thực đơn, hàng tháng, cuối năm với phụ huynh.

II. Tiền thuê khoán người nấu ăn và chi phí tổ chức bán trú:

Tổng số học sinh: 410 học sinh. Trong đó:

1. Mẫu giáo là: 358 học sinh

2. Nhà trẻ: 52 học sinh

TỔ CHỨC BÁN TRÚ

TT	Nội dung	ĐVT	Số tiền/ tháng	SL	Tổng tiền
Thuê khoán nấu ăn và chi phí bán trú					402.210.000
I	Thuê khoán người nấu ăn và Chi phí vật tư (dụng cụ vệ sinh, khử trùng diệt khuẩn, ...nước uống, nước sinh hoạt tăng thêm)	ĐVT	Số tiền/ tháng Đơn giá	SL	383.760.000
	<i>Số tiền bình quân/cháu/tháng</i>	<i>410</i>	<i>104.000</i>	<i>9</i>	<i>383.760.000</i>
1	Chi lương nhân viên 7 người	7	5.000.000	9	315.000.000
2	Chi hỗ trợ tổ trưởng 2 nhà bếp	2	100.000	9	

					1.800.000
3	Giấy vệ sinh 12 lớp MG (9), 2 nhóm trẻ (36)	Lốc	70.000	189	13.230.000
4	Xà phòng giặt các lớp (3 Kg)	Gói	120.000	14	1.680.000
5	Nước lau sàn loại to 14 lớp, 2 nhà bếp (5)	Can	95.000	80	7.600.000
6	Nước tẩy nhà vệ sinh các lớp Akay (9)	Can	35.000	108	3.780.000
7	Dầu rửa bát nhà bếp (2 bếp) (1 tuần 2 can)	Can	110.000	55	6.050.000
8	Dẻ lưới rửa bát, nùi sắt cọ nồi	Cái	15.000	18	270.000
9	Bao tay tiện lợi	Hộp	20.000	60	1.200.000
10	Khẩu trang, tạp dề mũ	Bộ	69.000	8	552.000
11	Chổi đốt 14 lớp, 2 nhà bếp	Cái	60.000	16	960.000
12	Chổi CN lau nhà 3 lớp, 2 nhà bếp	Cái	174.000	5	870.000
13	Chổi gạt nước 14 lớp, 2 nhà bếp	Cái	38.000	16	608.000
14	Chổi cước 14 lớp, 2 nhà bếp	Cái	40.000	16	640.000
15	Tiền nước uống, nước nấu	Trẻ	8.000	410	29.520.000
II	Mua sắm vật dụng dùng chung và đồ dùng cá nhân cho học sinh bán trú	ĐVT	Đơn giá	SL	18.450.000
	Số tiền bình quân 1 cháu/năm	410	45.000	1	18.450.000
1	Thớt	Cái	450.000	3	1.350.000
2	Xoong chia canh (30cm)	Cái	300.000	1	300.000
3	Xoong hông xôi (5 kg)	Cái	300.000	1	300.000
4	Xoong nấu vừa (38cm)	Cái	400.000	1	400.000
5	Gáo múc nước	Cái	80.000	1	80.000
6	Xẻng nấu to	Cái	55.000	2	110.000
7	Tô canh to	Cái	20.000	45	900.000
8	Đĩa Inox	Cái	25.000	160	4.000.000
9	Xô múc nước	Cái	180.000	1	180.000
10	Dao nạo vỏ	Cái	10.000	5	50.000
11	Dao cắt hoa quả	Cái	30.000	2	60.000
12	Rá Nhôm vo gạo	Cái	120.000	1	120.000
13	Rá nhựa vừa	Cái	50.000	2	100.000
14	Cối xay đa năng	Cái	6.200.000	1	6.200.000
15	Tem dán lưu mẫu	Cái	7.000	200	1.400.000
16	Chiếu (mua bổ sung)	Cái	90.000	10	900.000
17	Phần mềm Viettex	năm	2.000.000	1	2.000.000

Số tiền (bằng chữ): Bốn trăm linh hai triệu hai trăm mười nghìn đồng

III. Tiền dạy ngoại ngữ tăng cường. (Trường mầm non Diễn Lộc liên kết, phối hợp với các trung tâm tổ chức hoạt động tăng cường cho trẻ học).

TT	Nội dung tăng cường	Tên trung tâm	Số tiền/tiết	Số tiết/năm học
1	Ngoại ngữ tiếng anh	ODC	21.060đ/tiết	70 tiết/1.474.200đ
2	Múa	MASTER KIDS	18.000đ/tiết	70 tiết/1.260.000đ
3	Erobic	Sao vàng	17.000đ/tiết	70 tiết/1.190.000đ

Trên đây là kế các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường, khoản thu thỏa thuận thu, chi phục vụ công tác tổ chức bán trú năm học 2025-2026 của Trường Mầm non Diễn Lộc. Đề nghị Ban đại diện CMHS, các bộ phận liên quan và giáo viên nghiêm túc thực hiện.

BAN ĐẠI DIỆN CMHS TRƯỜNG

ĐƠN VỊ

TRƯỞNG BAN

KẾ TOÁN

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Hải Long

Phan Thị Hòa



Cao Thị Hà